

MEM MODULAR ENCLOSURE

VỎ TỦ ĐIỆN LOẠI MODULAR MEM



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN MEE
MEE MECHANICAL ELECTRICAL ENGINEERING JSC

CONTENTS

NỘI DUNG

1		Introduction	<i>Giới thiệu</i>	3
2		Main characteristics	<i>Các đặc điểm chính</i>	4
3		Customized directly in the factory	<i>Tùy chỉnh trực tiếp trong nhà máy</i>	4
4		Dimensions of MEM serial	<i>Kích thước của tủ điện MEM</i>	5
5		Structures of enclosure	<i>Cấu trúc của tủ điện</i>	6
	1	Uprights frame with 3 way connection	Khung đứng với kết nối 3 chiều	7
	2	Width/Depth frame	Khung ngang/sâu	7
	3	Plinths	Chân đế	8
	4	Top/Bottom	Nóc/Đáy	9
	5	Rear panel	Tấm lưng	17
	6	Side panel	Tấm hông	21
	7	Blind single door	Cửa đơn trơn	25
	8	Blind double door	Cửa đôi trơn	27
	9	Glass door	Cửa kính	28
	10	Partital door	Cửa rời	29
	11	Top/Bottom panel for partital door	Tấm che trên/dưới cho cửa rời	30
	12	Door accessories	Phụ kiện cửa	31
	13	Pocket for A4 documents	Ngăn hồ sơ A4	31
	14	Eyebolts for lifting	Móc cầu	31
6		Internal kits	<i>Kit lắp bên trong</i>	32
	1	Mounting plates total height	Tấm thiết bị tổng chiều cao	33
	2	Fixed frame for panels	Khung lắp cửa trong	35
	6	Flat blind panel	Cửa trơn tấm thiết bị	37
	7	Recessed blind panel	Cửa âm tấm thiết bị	38
	5	Blind assembly plate	Tấm thiết bị rời	36
	8	Kits for DIN rail	Kit lắp DIN rail	39
	10	Kits for installation of Air circuit-breaker	Kit lắp máy cắt không khí ACB	39
	11	Uprights support for fixing busbar holder	Giá đỡ thanh cái đứng	40
	12	Width support for fixing busbar holder	Giá đỡ thanh cái ngang	40
	13	Depth support for fixing busbar holder	Giá đỡ thanh cái sâu	40
7		Segregation of enclosure	<i>Vách ngăn tủ điện</i>	41
	1	Horizontal segregation compartment	Vách che ngang khung thiết bị	42
	2	Front segregation compartment	Tấm che mặt trước khung thiết bị	42
	3	Vertical segregation of terminals	Tấm ngăn đầu cực đứng	43
	4	Horizontal segregation of terminals	Tấm ngăn đầu cực ngang	44
	5	Segregation for the Air circuit-breaker	Vách ngăn máy cắt ACB	46
	6	Air circuit-breaker terminal separator	Tấm ngăn đầu cực ACB	46
	7	Horizontal busbar segregation	Vách che ngang busbar	47
	8	Front/Rear busbar segregations	Vách che trước/sau busbar	48
	9	Front/Rear segregation for structure	Vách che trước/sau khung tủ	49
	10	Side segregation for structure	Tấm che hông khung tủ	50

GENERAL INFORMATION

The MEM Enclosures is MEE's solution for Distribution and Automation cabinets with modular type structures and floor standing installation

The MEM enclosure is suitable for manufacturing distribution cabinets with rated current up to 6300A, motor control center (MCC), electrical cabinets for automation and control systems.

The MEM enclosure is designed to include standard removable parts, which is convenient in the process of production, storage, packaging, and transportation. Enclosure components are easily disassembled and assembled in a minimum amount of time, saving on transportation and installation costs.

The enclosure frame in Zam sheet metal, Easy to assemble with joining system with 3 axial screws that makes the incredibly sturdy. Patented coupling and frame.

The holes with a 25mm pitch as required by the DIN Standards. Self-threading screws can be inserted into round holes

THÔNG TIN CHUNG

Vỏ tủ MEM là giải pháp của MEE cho các tủ phân phối và tự động hóa với cấu trúc kiểu mô-đun và lắp đặt trên sàn

Vỏ tủ MEM phù hợp để chế tạo các tủ điện phân phối với dòng điện định mức lên đến 6300A, tủ điều khiển động cơ (MCC), Tủ điện cho hệ thống tự động hóa và điều khiển.

Vỏ tủ MEM được thiết kế bao gồm các chi tiết rời theo tiêu chuẩn, thuận tiện trong quá trình sản xuất, lưu trữ, đóng gói, vận chuyển. Các chi tiết của tủ dễ dàng tháo rời và lắp ráp trong một khoảng thời gian tối thiểu, tiết kiệm chi phí vận chuyển và lắp đặt

Khung tủ được làm bằng kim loại tấm Ecogal hoặc Zam, Tháo lắp dễ dàng với hệ thống khớp nối 3 vít giúp khung tủ vô cùng chắc chắn. Khớp nối và khung được cấp bằng sáng chế.

Các lỗ tròn có khoảng cách 25 mm theo yêu cầu của Tiêu chuẩn DIN. Vít tạo ren có thể được vặn vào các lỗ tròn

Power Distribution



Motor control center



Industrial Automation



MAIN CHARACTERISTICS

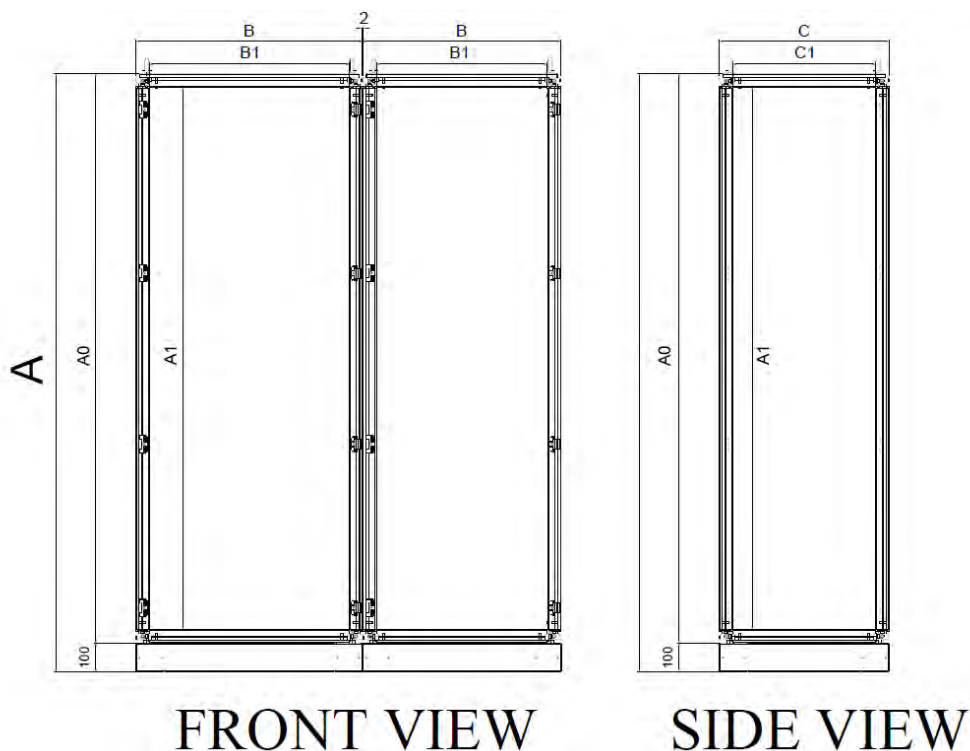
Standard	Conformity with the Standard IEC 61439-1-2
Rated service voltage U_e	up to 1000V AC - 1500V DC
Rated insulation voltage U_i	up to 1000V AC - 1500V DC
Rated frequency	50-60 Hz
Rated impulse withstand voltage U_{imp}	12kV
Rated current I_n	up to 6300A
Rated short-time withstand current I_{cw}	up to 120kA
IP protection class	IP30, IP31, IP40, IP41, IP43, IP54
IK mechanical resistance	IK09-IK10
Segregation Form	up to form 4b
Type of material	Metallic
Overall dimensions	
Height (mm)	1400, 1600, 1700, 1800, 1900, 2000, 2100, 2200mm
Width (mm)	300, 400, 500, 600, 700, 800, 900, 1000, 1200mm
Depth (mm)	400, 500, 600, 700, 800, 900, 1000, 1200mm

CÁC ĐẶC ĐIỂM CHÍNH

Tiêu chuẩn	Phù hợp với tiêu chuẩn IEC 61439-1-2
Điện áp định mức U_e	Đến 1000V AC - 1500V DC
Điện áp cách điện U_i	Đến 1000V AC - 1500V DC
Tần số định mức	50-60 Hz
Điện áp xung chịu được U_{imp}	12kV
Dòng điện định mức I_n	Đến 6300A
Dòng điện ngắn mạch chịu được I_{cw}	Đến 120kA
Cấp bảo vệ IP	IP30, IP31, IP40, IP41, IP43, IP54
Độ bền cơ học	IK09-IK10
Form tủ	Đến form 4b
Loại vật liệu	Thép sơn tĩnh điện, Thép Zam
Kích thước ngoài	
Cao (mm)	1400, 1600, 1700, 1800, 1900, 2000, 2100, 2200mm
Rộng (mm)	300, 400, 500, 600, 700, 800, 900, 1000, 1200mm
Sâu (mm)	400, 500, 600, 700, 800, 900, 1000, 1200mm

DIMENSIONS OF MEM ENCLOSURES

KÍCH THƯỚC CỦA TỦ ĐIỆN MEM



Height (mm)			
H	A	A0	A1
1600	1600	1500	1402
1800	1800	1700	1602
1900	1900	1800	1702
2000	2000	1900	1802
2100	2100	2000	1902
2200	2200	2100	2002

Width (mm)		
W	B	B1
300	298	200
400	398	300
600	598	500
800	798	700
1000	998	900
1200	1198	1100

Depth (mm)		
D	D1	D2
400	398	300
600	598	500
800	798	700
1000	998	900
1200	1198	1100

On request of customers

- Special size
- Special color
- Pre-punching
- Complementary Options



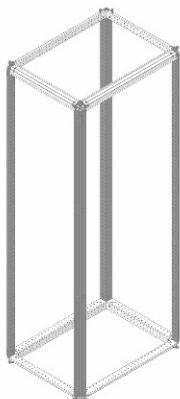
Theo yêu cầu của khách hàng

- kích thước đặc biệt
- màu đặc biệt
- đục lỗ trước
- Tùy chọn bổ sung

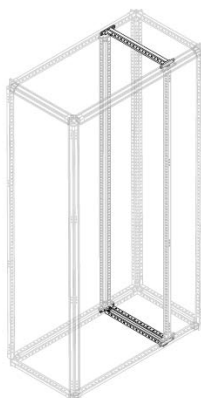


STRUCTURES - CẤU TRÚC

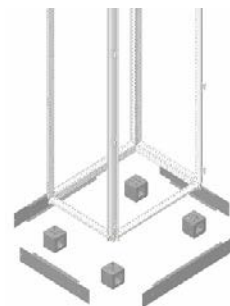
Frame with 3 way connection
(Page: 7)



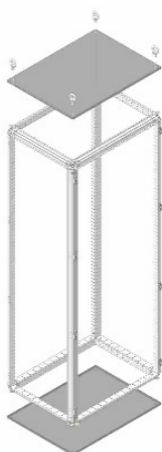
Crosspieces for cable compartment (Page: 7)



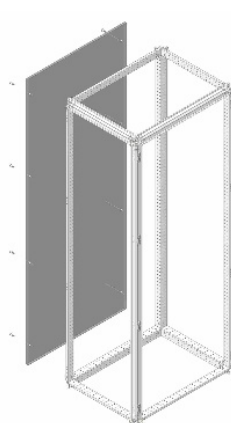
Plinth H=100mm
(Page: 8)



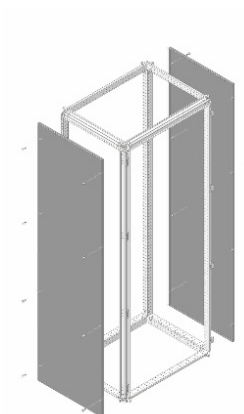
Top/Bottom panels
(Page: 9)



Front/Rear panel



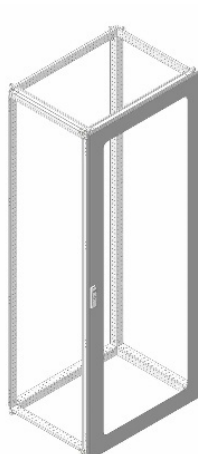
Side panel



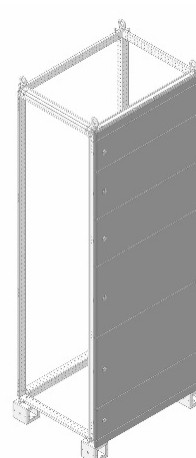
Blind door



Glass door



Partital door



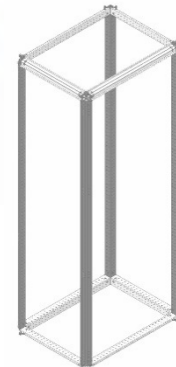
UPRIGHT FRAME WITH 3WAY CONNECTION

KHUNG ĐỨNG VỚI KẾT NỐI 3 CHIỀU

Material: 1.5mm Zam or Ecogal sheet metal

Package: 4pcs the uprights frame include 8 already assembled 3-way joints, 8 already assembled axial screws and 16 loose axial screws.

Dimensions	Order codes	Description
H(mm)		
1600	MEMEFU16	Uprights frame for MEM 1600
1800	MEMEFU18	Uprights frame for MEM 1800
1900	MEMEFU19	Uprights frame for MEM 1900
2000	MEMEFU20	Uprights frame for MEM 2000
2100	MEMEFU21	Uprights frame for MEM 2100
2200	MEMEFU22	Uprights frame for MEM 2200



WIDTH/DEPTH FRAME

KHUNG NGANG/SÂU

Material: 1.5mm Zam or Ecogal sheet metal

Package: 4pcs the Width/depth frame

Dimensions	Order codes	Description
W/D(mm)		
300	MEMEFW03	Width/Depth frame for MEM 300
400	MEMEFW04	Width/Depth frame for MEM 400
600	MEMEFW06	Width/Depth frame for MEM 600
800	MEMEFW08	Width/Depth frame for MEM 800
1000	MEMEFW10	Width/Depth frame for MEM 1000
1200	MEMEFW12	Width/Depth frame for MEM 1200



UPRIGHTS FOR INTERNAL CABLE COMPARTMENT

KHUNG ĐỨNG NGĂN CÁP

Material: 1.5mm Zam sheet metal

Package: 1 pcs the uprights for internal cable compartment and

Dimensions	Order codes	Description
H(mm)		
1600	MEMECU16	Upright for internal cable compartment MEM 1600
1800	MEMECU18	Upright for internal cable compartment MEM 1800
2000	MEMECU20	Upright for internal cable compartment MEM 2000
2100	MEMECU21	Upright for internal cable compartment MEM 2100
2200	MEMECU22	Upright for internal cable compartment MEM 2200

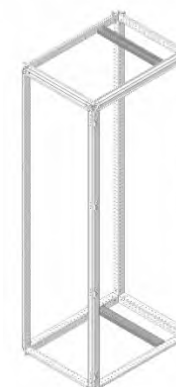


KHUNG ĐỨNG NGĂN CÁP

Material: 1.5mm Zam sheet metal

Package: 1 pcs the uprights for internal cable compartment and

Dimensions	Order codes	Description
H(mm)		
1600	MEMECU16	Upright for internal cable compartment MEM 1600
1800	MEMECU18	Upright for internal cable compartment MEM 1800
2000	MEMECU20	Upright for internal cable compartment MEM 2000
2100	MEMECU21	Upright for internal cable compartment MEM 2100
2200	MEMECU22	Upright for internal cable compartment MEM 2200



PLINTHS CHÂN ĐẾ

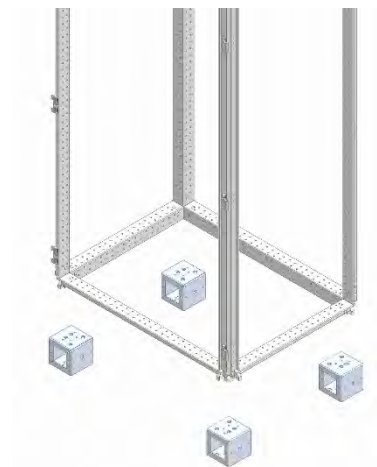
Angle pieces for plinths

Trụ góc chân đế

Material: 2.5mm mild steel, painted in RAL 7012

Package: 4pcs the Plinth angle pieces

Dimensions	Order codes	Description
H(mm)		
100	MEMEPA100	Angle pieces for plinths 100



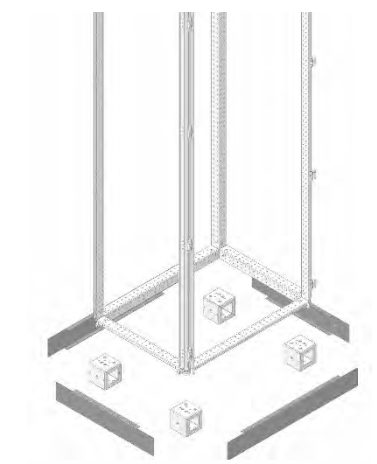
Front/side plinth flanges

Che trước/hông chân đế

Material: 1.5mm mild steel, painted in RAL 7012

Package: 2pcs the Front/side plinth flanges

Dimensions	Order codes	Description
W/D(mm)		
400	MEMEPS04	Side plinth MEM 400 steel 2.0mm
600	MEMEPS06	Side plinth MEM 600 steel 2.0mm
800	MEMEPS08	Side plinth MEM 800 steel 2.0mm
1000	MEMEPS10	Side plinth MEM 1000 steel 2.0mm
1200	MEMEPS12	Side plinth MEM 1200 steel 2.0mm



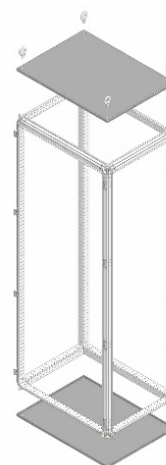
TOP/BOTTOM NÓC/ĐÁY

BLIND TOP/BOTTOM NÓC/ĐÁY TRƠN

Material: 1.5mm mild steel, painted in RAL 7035

Package: 1 pcs the Blind Top/Bottom

Dimensions		Order codes	Description
W(mm)	D(mm)		
300	400	MEMETB0304M15	Blind Top/Bottom MEM 300x400, steel 1.5mm
300	600	MEMETB0306M15	Blind Top/Bottom MEM 300x600, steel 1.5mm
300	800	MEMETB0308M15	Blind Top/Bottom MEM 300x800, steel 1.5mm
300	1000	MEMETB0310M15	Blind Top/Bottom MEM 300x1000, steel 1.5mm
300	1200	MEMETB0312M15	Blind Top/Bottom MEM 300x1200, steel 1.5mm
400	400	MEMETB0404M15	Blind Top/Bottom MEM 400x400, steel 1.5mm
400	600	MEMETB0406M15	Blind Top/Bottom MEM 400x600, steel 1.5mm
400	800	MEMETB0408M15	Blind Top/Bottom MEM 400x800, steel 1.5mm
400	1000	MEMETB0410M15	Blind Top/Bottom MEM 400x1000, steel 1.5mm
400	1200	MEMETB0412M15	Blind Top/Bottom MEM 400x1200, steel 1.5mm
600	400	MEMETB0604M15	Blind Top/Bottom MEM 600x400, steel 1.5mm
600	600	MEMETB0606M15	Blind Top/Bottom MEM 600x600, steel 1.5mm
600	800	MEMETB0608M15	Blind Top/Bottom MEM 600x800, steel 1.5mm
600	1000	MEMETB0610M15	Blind Top/Bottom MEM 600x1000, steel 1.5mm
600	1200	MEMETB0612M15	Blind Top/Bottom MEM 600x1200, steel 1.5mm
800	400	MEMETB0804M15	Blind Top/Bottom MEM 800x400, steel 1.5mm
800	600	MEMETB0806M15	Blind Top/Bottom MEM 800x600, steel 1.5mm
800	800	MEMETB0808M15	Blind Top/Bottom MEM 800x800, steel 1.5mm
800	1000	MEMETB0810M15	Blind Top/Bottom MEM 800x1000, steel 1.5mm
800	1200	MEMETB0812M15	Blind Top/Bottom MEM 800x1200, steel 1.5mm
1000	400	MEMETB1004M15	Blind Top/Bottom MEM 1000x400, steel 1.5mm
1000	600	MEMETB1006M15	Blind Top/Bottom MEM 1000x600, steel 1.5mm
1000	800	MEMETB1008M15	Blind Top/Bottom MEM 1000x800, steel 1.5mm
1000	1000	MEMETB1010M15	Blind Top/Bottom MEM 1000x1000, steel 1.5mm
1000	1200	MEMETB1012M15	Blind Top/Bottom MEM 1000x1200, steel 1.5mm
1200	400	MEMETB1204M15	Blind Top/Bottom MEM 1200x400, steel 1.5mm
1200	600	MEMETB1206M15	Blind Top/Bottom MEM 1200x600, steel 1.5mm
1200	800	MEMETB1208M15	Blind Top/Bottom MEM 1200x800, steel 1.5mm
1200	1000	MEMETB1210M15	Blind Top/Bottom MEM 1200x1000, steel 1.5mm
1200	1200	MEMETB1212M15	Blind Top/Bottom MEM 1200x1200, steel 1.5mm



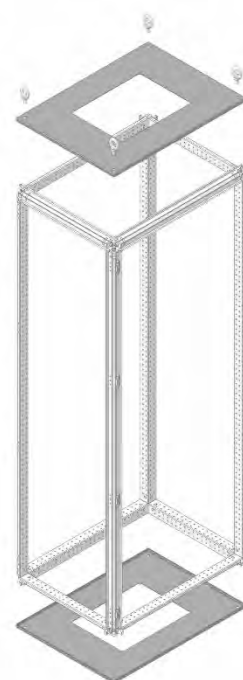
OPEN TOP/BOTTOM

NÓC/ĐÁY HỖ

Material: 1.5mm mild steel, painted in RAL 7035

Package: 1 pcs the Open Top/Bottom, 1 pcs the Fixed cable flange

Dimensions		Order codes	Description
W(mm)	D(mm)		
300	400	MEMETO0304M15	Open Top/Bottom MEM 300x400, steel 1.5mm
300	600	MEMETO0306M15	Open Top/Bottom MEM 300x600, steel 1.5mm
300	800	MEMETO0308M15	Open Top/Bottom MEM 300x800, steel 1.5mm
300	1000	MEMETO0310M15	Open Top/Bottom MEM 300x1000, steel 1.5mm
300	1200	MEMETO0312M15	Open Top/Bottom MEM 300x1200, steel 1.5mm
400	400	MEMETO0404M15	Open Top/Bottom MEM 400x400, steel 1.5mm
400	600	MEMETO0406M15	Open Top/Bottom MEM 400x600, steel 1.5mm
400	800	MEMETO0408M15	Open Top/Bottom MEM 400x800, steel 1.5mm
400	1000	MEMETO0410M15	Open Top/Bottom MEM 400x1000, steel 1.5mm
400	1200	MEMETO0412M15	Open Top/Bottom MEM 400x1200, steel 1.5mm
600	400	MEMETO0604M15	Open Top/Bottom MEM 600x400, steel 1.5mm
600	600	MEMETO0606M15	Open Top/Bottom MEM 600x600, steel 1.5mm
600	800	MEMETO0608M15	Open Top/Bottom MEM 600x800, steel 1.5mm
600	1000	MEMETO0610M15	Open Top/Bottom MEM 600x1000, steel 1.5mm
600	1200	MEMETO0612M15	Open Top/Bottom MEM 600x1200, steel 1.5mm
800	400	MEMETO0804M15	Open Top/Bottom MEM 800x400, steel 1.5mm
800	600	MEMETO0806M15	Open Top/Bottom MEM 800x600, steel 1.5mm
800	800	MEMETO0808M15	Open Top/Bottom MEM 800x800, steel 1.5mm
800	1000	MEMETO0810M15	Open Top/Bottom MEM 800x1000, steel 1.5mm
800	1200	MEMETO0812M15	Open Top/Bottom MEM 800x1200, steel 1.5mm
1000	400	MEMETO1004M15	Open Top/Bottom MEM 1000x400, steel 1.5mm
1000	600	MEMETO1006M15	Open Top/Bottom MEM 1000x600, steel 1.5mm
1000	800	MEMETO1008M15	Open Top/Bottom MEM 1000x800, steel 1.5mm
1000	1000	MEMETO1010M15	Open Top/Bottom MEM 1000x1000, steel 1.5mm
1000	1200	MEMETO1012M15	Open Top/Bottom MEM 1000x1200, steel 1.5mm
1200	400	MEMETO1204M15	Open Top/Bottom MEM 1200x400, steel 1.5mm
1200	600	MEMETO1206M15	Open Top/Bottom MEM 1200x600, steel 1.5mm
1200	800	MEMETO1208M15	Open Top/Bottom MEM 1200x800, steel 1.5mm
1200	1000	MEMETO1210M15	Open Top/Bottom MEM 1200x1000, steel 1.5mm
1200	1200	MEMETO1212M15	Open Top/Bottom MEM 1200x1200, steel 1.5mm



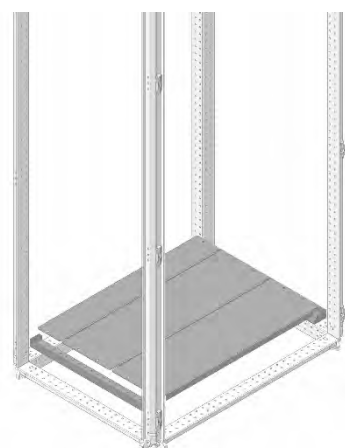
SLIDING CABLE FLANGES

TẮM TRƯỢT RA CÁP

Material: 1.5mm Zam or Ecogal sheet metal

Package: 1 set the Sliding cable flanges include support

Dimensions		Order codes	Description
W(mm)	D(mm)		
300	400	MEMECS0304	Bottom Sliding flanges MEM 300x400
300	600	MEMECS0306	Bottom Sliding flanges MEM 300x600
300	800	MEMECS0308	Bottom Sliding flanges MEM 300x800
300	1000	MEMECS0310	Bottom Sliding flanges MEM 300x1000
300	1200	MEMECS0312	Bottom Sliding flanges MEM 300x1200
400	400	MEMECS0404	Bottom Sliding flanges MEM 400x400
400	600	MEMECS0406	Bottom Sliding flanges MEM 400x600
400	800	MEMECS0408	Bottom Sliding flanges MEM 400x800
400	1000	MEMECS0410	Bottom Sliding flanges MEM 400x1000
400	1200	MEMECS0412	Bottom Sliding flanges MEM 400x1200
600	400	MEMECS0604	Bottom Sliding flanges MEM 600x400
600	600	MEMECS0606	Bottom Sliding flanges MEM 600x600
600	800	MEMECS0608	Bottom Sliding flanges MEM 600x800
600	1000	MEMECS0610	Bottom Sliding flanges MEM 600x1000
600	1200	MEMECS0612	Bottom Sliding flanges MEM 600x1200
800	400	MEMECS0804	Bottom Sliding flanges MEM 800x400
800	600	MEMECS0806	Bottom Sliding flanges MEM 800x600
800	800	MEMECS0808	Bottom Sliding flanges MEM 800x800
800	1000	MEMECS0810	Bottom Sliding flanges MEM 800x1000
800	1200	MEMECS0812	Bottom Sliding flanges MEM 800x1200
1000	400	MEMECS1004	Bottom Sliding flanges MEM 1000x400
1000	600	MEMECS1006	Bottom Sliding flanges MEM 1000x600
1000	800	MEMECS1008	Bottom Sliding flanges MEM 1000x800
1000	1000	MEMECS1010	Bottom Sliding flanges MEM 1000x1000
1000	1200	MEMECS1012	Bottom Sliding flanges MEM 1000x1200
1200	400	MEMECS1204	Bottom Sliding flanges MEM 1200x400
1200	600	MEMECS1206	Bottom Sliding flanges MEM 1200x600
1200	800	MEMECS1208	Bottom Sliding flanges MEM 1200x800
1200	1000	MEMECS1210	Bottom Sliding flanges MEM 1200x1000
1200	1200	MEMECS1212	Bottom Sliding flanges MEM 1200x1200



BLIND TOP ARC FAULT NÓC TRƠN BẢO VỆ HỒ QUANG ARC

Material: 1.5mm mild steel, painted in RAL 7035

Package: 1 pcs the Blind top arc fault

Dimensions		Order codes	Description
W(mm)	D(mm)		
400	400	MEMETA0404M15	Blind top arc fault MEM 400x400, steel 1.5mm
400	600	MEMETA0406M15	Blind top arc fault MEM 400x600, steel 1.5mm
400	800	MEMETA0408M15	Blind top arc fault MEM 400x800, steel 1.5mm
400	1000	MEMETA0410M15	Blind top arc fault MEM 400x1000, steel 1.5mm
400	1200	MEMETA0412M15	Blind top arc fault MEM 400x1200, steel 1.5mm
600	400	MEMETA0604M15	Blind top arc fault MEM 600x400, steel 1.5mm
600	600	MEMETA0606M15	Blind top arc fault MEM 600x600, steel 1.5mm
600	800	MEMETA0608M15	Blind top arc fault MEM 600x800, steel 1.5mm
600	1000	MEMETA0610M15	Blind top arc fault MEM 600x1000, steel 1.5mm
600	1200	MEMETA0612M15	Blind top arc fault MEM 600x1200, steel 1.5mm
800	400	MEMETA0804M15	Blind top arc fault MEM 800x400, steel 1.5mm
800	600	MEMETA0806M15	Blind top arc fault MEM 800x600, steel 1.5mm
800	800	MEMETA0808M15	Blind top arc fault MEM 800x800, steel 1.5mm
800	1000	MEMETA0810M15	Blind top arc fault MEM 800x1000, steel 1.5mm
800	1200	MEMETA0812M15	Blind top arc fault MEM 800x1200, steel 1.5mm
1000	400	MEMETA1004M15	Blind top arc fault MEM 1000x400, steel 1.5mm
1000	600	MEMETA1006M15	Blind top arc fault MEM 1000x600, steel 1.5mm
1000	800	MEMETA1008M15	Blind top arc fault MEM 1000x800, steel 1.5mm
1000	1000	MEMETA1010M15	Blind top arc fault MEM 1000x1000, steel 1.5mm
1000	1200	MEMETA1012M15	Blind top arc fault MEM 1000x1200, steel 1.5mm
1200	400	MEMETA1204M15	Blind top arc fault MEM 1200x400, steel 1.5mm
1200	600	MEMETA1206M15	Blind top arc fault MEM 1200x600, steel 1.5mm
1200	800	MEMETA1208M15	Blind top arc fault MEM 1200x800, steel 1.5mm
1200	1000	MEMETA1210M15	Blind top arc fault MEM 1200x1000, steel 1.5mm
1200	1200	MEMETA1212M15	Blind top arc fault MEM 1200x1200, steel 1.5mm



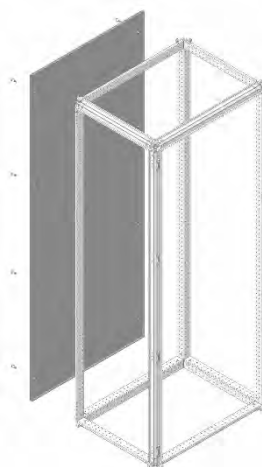
REAR PANEL TẤM LŨNG

BLIND REAR PANEL MEM TẤM LŨNG TRƠN MEM

Material: 1.5mm mild steel, painted in RAL 7035

Package: 1 pcs the Blind rear panel

Dimensions		Order codes	Description
H(mm)	W(mm)		
1600	300	MEMERB1603M15	Blind rear panel MEM 1600x300, steel 1.5mm
1600	400	MEMERB1604M15	Blind rear panel MEM 1600x400, steel 1.5mm
1600	600	MEMERB1606M15	Blind rear panel MEM 1600x600, steel 1.5mm
1600	800	MEMERB1608M15	Blind rear panel MEM 1600x800, steel 1.5mm
1600	1000	MEMERB1610M15	Blind rear panel MEM 1600x1000, steel 1.5mm
1600	1200	MEMERB1612M15	Blind rear panel MEM 1600x1200, steel 1.5mm
1800	300	MEMERB1803M15	Blind rear panel MEM 1800x300, steel 1.5mm
1800	400	MEMERB1804M15	Blind rear panel MEM 1800x400, steel 1.5mm
1800	600	MEMERB1806M15	Blind rear panel MEM 1800x600, steel 1.5mm
1800	800	MEMERB1808M15	Blind rear panel MEM 1800x800, steel 1.5mm
1800	1000	MEMERB1810M15	Blind rear panel MEM 1800x1000, steel 1.5mm
1800	1200	MEMERB1812M15	Blind rear panel MEM 1800x1200, steel 1.5mm
1800	300	MEMERB1903M15	Blind rear panel MEM 1900x300, steel 1.5mm
1900	400	MEMERB1904M15	Blind rear panel MEM 1900x400, steel 1.5mm
1900	600	MEMERB1906M15	Blind rear panel MEM 1900x600, steel 1.5mm
1900	800	MEMERB1908M15	Blind rear panel MEM 1900x800, steel 1.5mm
1900	1000	MEMERB1910M15	Blind rear panel MEM 1900x1000, steel 1.5mm
1900	1200	MEMERB1912M15	Blind rear panel MEM 1900x1200, steel 1.5mm
1900	300	MEMERB2003M15	Blind rear panel MEM 2000x300, steel 1.5mm
2000	400	MEMERB2004M15	Blind rear panel MEM 2000x400, steel 1.5mm
2000	600	MEMERB2006M15	Blind rear panel MEM 2000x600, steel 1.5mm
2000	800	MEMERB2008M15	Blind rear panel MEM 2000x800, steel 1.5mm
2000	1000	MEMERB2010M15	Blind rear panel MEM 2000x1000, steel 1.5mm
2000	1200	MEMERB2012M15	Blind rear panel MEM 2000x1200, steel 1.5mm
2000	300	MEMERB2103M15	Blind rear panel MEM 2100x300, steel 1.5mm
2100	400	MEMERB2104M15	Blind rear panel MEM 2100x400, steel 1.5mm
2100	600	MEMERB2106M15	Blind rear panel MEM 2100x600, steel 1.5mm
2100	800	MEMERB2108M15	Blind rear panel MEM 2100x800, steel 1.5mm
2100	1000	MEMERB2110M15	Blind rear panel MEM 2100x1000, steel 1.5mm
2100	1200	MEMERB2112M15	Blind rear panel MEM 2100x1200, steel 1.5mm
2100	300	MEMERB2203M15	Blind rear panel MEM 2200x300, steel 1.5mm
2200	400	MEMERB2204M15	Blind rear panel MEM 2200x400, steel 1.5mm
2200	600	MEMERB2206M15	Blind rear panel MEM 2200x600, steel 1.5mm
2200	800	MEMERB2208M15	Blind rear panel MEM 2200x800, steel 1.5mm
2200	1000	MEMERB2210M15	Blind rear panel MEM 2200x1000, steel 1.5mm
2200	1200	MEMERB2212M15	Blind rear panel MEM 2200x1200, steel 1.5mm

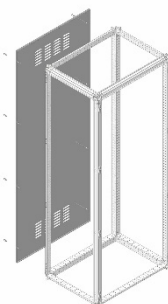


VENTED REAR PANEL MEM
TẤM LƯNG THÔNG GIÓ MEM

Material: 1.5mm mild steel, painted in RAL 7035

Package: 1 pcs the Vented rear panel

Dimensions		Order codes	Description
H(mm)	W(mm)		
1600	300	MEMERV1603M15	Vented rear panel MEM 1600x300, steel 1.5mm
1600	400	MEMERV1604M15	Vented rear panel MEM 1600x400, steel 1.5mm
1600	600	MEMERV1606M15	Vented rear panel MEM 1600x600, steel 1.5mm
1600	800	MEMERV1608M15	Vented rear panel MEM 1600x800, steel 1.5mm
1600	1000	MEMERV1610M15	Vented rear panel MEM 1600x1000, steel 1.5mm
1600	1200	MEMERV1612M15	Vented rear panel MEM 1600x1200, steel 1.5mm
1800	300	MEMERV1803M15	Vented rear panel MEM 1800x300, steel 1.5mm
1800	400	MEMERV1804M15	Vented rear panel MEM 1800x400, steel 1.5mm
1800	600	MEMERV1806M15	Vented rear panel MEM 1800x600, steel 1.5mm
1800	800	MEMERV1808M15	Vented rear panel MEM 1800x800, steel 1.5mm
1800	1000	MEMERV1810M15	Vented rear panel MEM 1800x1000, steel 1.5mm
1800	1200	MEMERV1812M15	Vented rear panel MEM 1800x1200, steel 1.5mm
1900	300	MEMERV1903M15	Vented rear panel MEM 1900x300, steel 1.5mm
1900	400	MEMERV1904M15	Vented rear panel MEM 1900x400, steel 1.5mm
1900	600	MEMERV1906M15	Vented rear panel MEM 1900x600, steel 1.5mm
1900	800	MEMERV1908M15	Vented rear panel MEM 1900x800, steel 1.5mm
1900	1000	MEMERV1910M15	Vented rear panel MEM 1900x1000, steel 1.5mm
1900	1200	MEMERV1912M15	Vented rear panel MEM 1900x1200, steel 1.5mm
2000	300	MEMERV2003M15	Vented rear panel MEM 2000x300, steel 1.5mm
2000	400	MEMERV2004M15	Vented rear panel MEM 2000x400, steel 1.5mm
2000	600	MEMERV2006M15	Vented rear panel MEM 2000x600, steel 1.5mm
2000	800	MEMERV2008M15	Vented rear panel MEM 2000x800, steel 1.5mm
2000	1000	MEMERV2010M15	Vented rear panel MEM 2000x1000, steel 1.5mm
2000	1200	MEMERV2012M15	Vented rear panel MEM 2000x1200, steel 1.5mm
2100	300	MEMERV2103M15	Vented rear panel MEM 2100x300, steel 1.5mm
2100	400	MEMERV2104M15	Vented rear panel MEM 2100x400, steel 1.5mm
2100	600	MEMERV2106M15	Vented rear panel MEM 2100x600, steel 1.5mm
2100	800	MEMERV2108M15	Vented rear panel MEM 2100x800, steel 1.5mm
2100	1000	MEMERV2110M15	Vented rear panel MEM 2100x1000, steel 1.5mm
2100	1200	MEMERV2112M15	Vented rear panel MEM 2100x1200, steel 1.5mm
2200	300	MEMERV2203M15	Vented rear panel MEM 2200x300, steel 1.5mm
2200	400	MEMERV2204M15	Vented rear panel MEM 2200x400, steel 1.5mm
2200	600	MEMERV2206M15	Vented rear panel MEM 2200x600, steel 1.5mm
2200	800	MEMERV2208M15	Vented rear panel MEM 2200x800, steel 1.5mm
2200	1000	MEMERV2210M15	Vented rear panel MEM 2200x1000, steel 1.5mm
2200	1200	MEMERV2212M15	Vented rear panel MEM 2200x1200, steel 1.5mm



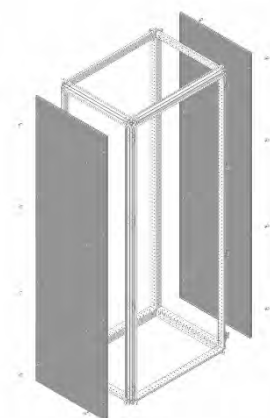
SIDE PANEL TẮM HÔNG

BLIND SIDE PANEL MEM TẮM HÔNG TRON MEM

Material: 1.5mm mild steel, painted in RAL 7035

Package: 1 pcs the Blind side panel

Dimensions		Order codes	Description
H(mm)	D(mm)		
1600	400	MEMESB1604M15	Blind side panel MEM 1600x400, steel 1.5mm
1600	600	MEMESB1606M15	Blind side panel MEM 1600x600, steel 1.5mm
1600	800	MEMESB1608M15	Blind side panel MEM 1600x800, steel 1.5mm
1800	400	MEMESB1804M15	Blind side panel MEM 1800x400, steel 1.5mm
1800	600	MEMESB1806M15	Blind side panel MEM 1800x600, steel 1.5mm
1800	800	MEMESB1808M15	Blind side panel MEM 1800x800, steel 1.5mm
1800	1000	MEMESB1810M15	Blind side panel MEM 1800x1000, steel 1.5mm
1800	1200	MEMESB1812M15	Blind side panel MEM 1800x1200, steel 1.5mm
1900	400	MEMESB1904M15	Blind side panel MEM 1900x400, steel 1.5mm
1900	600	MEMESB1906M15	Blind side panel MEM 1900x600, steel 1.5mm
1900	800	MEMESB1908M15	Blind side panel MEM 1900x800, steel 1.5mm
1900	1000	MEMESB1910M15	Blind side panel MEM 1900x1000, steel 1.5mm
1900	1200	MEMESB1912M15	Blind side panel MEM 1900x1200, steel 1.5mm
2000	400	MEMESB2004M15	Blind side panel MEM 2000x400, steel 1.5mm
2000	600	MEMESB2006M15	Blind side panel MEM 2000x600, steel 1.5mm
2000	800	MEMESB2008M15	Blind side panel MEM 2000x800, steel 1.5mm
2000	1000	MEMESB2010M15	Blind side panel MEM 2000x1000, steel 1.5mm
2000	1200	MEMESB2012M15	Blind side panel MEM 2000x1200, steel 1.5mm
2100	400	MEMESB2104M15	Blind side panel MEM 2100x400, steel 1.5mm
2100	600	MEMESB2106M15	Blind side panel MEM 2100x600, steel 1.5mm
2100	800	MEMESB2108M15	Blind side panel MEM 2100x800, steel 1.5mm
2100	1000	MEMESB2110M15	Blind side panel MEM 2100x1000, steel 1.5mm
2100	1200	MEMESB2112M15	Blind side panel MEM 2100x1200, steel 1.5mm
2200	400	MEMESB2204M15	Blind side panel MEM 2200x400, steel 1.5mm
2200	600	MEMESB2206M15	Blind side panel MEM 2200x600, steel 1.5mm
2200	800	MEMESB2208M15	Blind side panel MEM 2200x800, steel 1.5mm
2200	1000	MEMESB2210M15	Blind side panel MEM 2200x1000, steel 1.5mm
2200	1200	MEMESB2212M15	Blind side panel MEM 2200x1200, steel 1.5mm

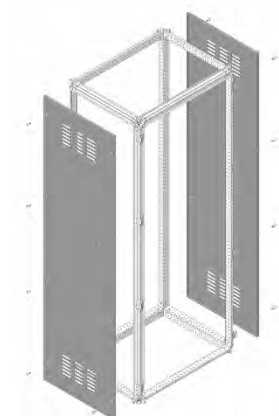


VENTED SIDE PANEL MEM **TẮM HÔNG THÔNG GIÓ MEM**

Material: 1.5mm mild steel, painted in RAL 7035

Package: 1 pcs the Vented side panel

Dimensions		Order codes	Description
H(mm)	D(mm)		
1600	400	MEMESV1604M15	Vented side panel MEM 1600x400, steel 1.5mm
1600	600	MEMESV1606M15	Vented side panel MEM 1600x600, steel 1.5mm
1600	800	MEMESV1608M15	Vented side panel MEM 1600x800, steel 1.5mm
1800	400	MEMESV1804M15	Vented side panel MEM 1800x400, steel 1.5mm
1800	600	MEMESV1806M15	Vented side panel MEM 1800x600, steel 1.5mm
1800	800	MEMESV1808M15	Vented side panel MEM 1800x800, steel 1.5mm
1800	1000	MEMESV1810M15	Vented side panel MEM 1800x1000, steel 1.5mm
1800	1200	MEMESV1812M15	Vented side panel MEM 1800x1200, steel 1.5mm
1900	400	MEMESV1904M15	Vented side panel MEM 1900x400, steel 1.5mm
1900	600	MEMESV1906M15	Vented side panel MEM 1900x600, steel 1.5mm
1900	800	MEMESV1908M15	Vented side panel MEM 1900x800, steel 1.5mm
1900	1000	MEMESV1910M15	Vented side panel MEM 1900x1000, steel 1.5mm
1900	1200	MEMESV1912M15	Vented side panel MEM 1900x1200, steel 1.5mm
2000	400	MEMESV2004M15	Vented side panel MEM 2000x400, steel 1.5mm
2000	600	MEMESV2006M15	Vented side panel MEM 2000x600, steel 1.5mm
2000	800	MEMESV2008M15	Vented side panel MEM 2000x800, steel 1.5mm
2000	1000	MEMESV2010M15	Vented side panel MEM 2000x1000, steel 1.5mm
2000	1200	MEMESV2012M15	Vented side panel MEM 2000x1200, steel 1.5mm
2100	400	MEMESV2104M15	Vented side panel MEM 2100x400, steel 1.5mm
2100	600	MEMESV2106M15	Vented side panel MEM 2100x600, steel 1.5mm
2100	800	MEMESV2108M15	Vented side panel MEM 2100x800, steel 1.5mm
2100	1000	MEMESV2110M15	Vented side panel MEM 2100x1000, steel 1.5mm
2100	1200	MEMESV2112M15	Vented side panel MEM 2100x1200, steel 1.5mm
2200	400	MEMESV2204M15	Vented side panel MEM 2200x400, steel 1.5mm
2200	600	MEMESV2206M15	Vented side panel MEM 2200x600, steel 1.5mm
2200	800	MEMESV2208M15	Vented side panel MEM 2200x800, steel 1.5mm
2200	1000	MEMESV2210M15	Vented side panel MEM 2200x1000, steel 1.5mm
2200	1200	MEMESV2212M15	Vented side panel MEM 2200x1200, steel 1.5mm



BLIND SINGLE DOOR CỬA ĐƠN TRƠN

Material: 2.0mm mild steel, painted in RAL 7035

Package: 1 pcs the Blind door, 1 set of lock, 4set hinges and door stiffeners

Dimensions		Order codes	Description
H(mm)	W(mm)		
1600	300	MEMEDB1603M20	Blind door MEM 1600x300, steel 2.0mm
1600	400	MEMEDB1604M20	Blind door MEM 1600x400, steel 2.0mm
1600	600	MEMEDB1606M20	Blind door MEM 1600x600, steel 2.0mm
1600	800	MEMEDB1608M20	Blind door MEM 1600x800, steel 2.0mm
1600	1000	MEMEDB1610M20	Blind door MEM 1600x1000, steel 2.0mm
1800	300	MEMEDB1803M20	Blind door MEM 1800x300, steel 2.0mm
1800	400	MEMEDB1804M20	Blind door MEM 1800x400, steel 2.0mm
1800	600	MEMEDB1806M20	Blind door MEM 1800x600, steel 2.0mm
1800	800	MEMEDB1808M20	Blind door MEM 1800x800, steel 2.0mm
1800	1000	MEMEDB1810M20	Blind door MEM 1800x1000, steel 2.0mm
1900	300	MEMEDB1903M20	Blind door MEM 1900x300, steel 2.0mm
1900	400	MEMEDB1904M20	Blind door MEM 1900x400, steel 2.0mm
1900	600	MEMEDB1906M20	Blind door MEM 1900x600, steel 2.0mm
1900	800	MEMEDB1908M20	Blind door MEM 1900x800, steel 2.0mm
1900	1000	MEMEDB1910M20	Blind door MEM 1900x1000, steel 2.0mm
2000	300	MEMEDB2003M20	Blind door MEM 2000x300, steel 2.0mm
2000	400	MEMEDB2004M20	Blind door MEM 2000x400, steel 2.0mm
2000	600	MEMEDB2006M20	Blind door MEM 2000x600, steel 2.0mm
2000	800	MEMEDB2008M20	Blind door MEM 2000x800, steel 2.0mm
2000	1000	MEMEDB2010M20	Blind door MEM 2000x1000, steel 2.0mm
2100	300	MEMEDB2103M20	Blind door MEM 2100x300, steel 2.0mm
2100	400	MEMEDB2104M20	Blind door MEM 2100x400, steel 2.0mm
2100	600	MEMEDB2106M20	Blind door MEM 2100x600, steel 2.0mm
2100	800	MEMEDB2108M20	Blind door MEM 2100x800, steel 2.0mm
2100	1000	MEMEDB2110M20	Blind door MEM 2100x1000, steel 2.0mm
2200	300	MEMEDB2203M20	Blind door MEM 2200x300, steel 2.0mm
2200	400	MEMEDB2204M20	Blind door MEM 2200x400, steel 2.0mm
2200	600	MEMEDB2206M20	Blind door MEM 2200x600, steel 2.0mm
2200	800	MEMEDB2208M20	Blind door MEM 2200x800, steel 2.0mm
2200	1000	MEMEDB2210M20	Blind door MEM 2200x1000, steel 2.0mm



BLIND DOUBLE DOOR CỬA ĐÔI TRƠN

Material: 2.0mm mild steel, painted in RAL 7035

Package: 1 set of blind door with overlapping and door with handle, 8set hinges and door stiffeners

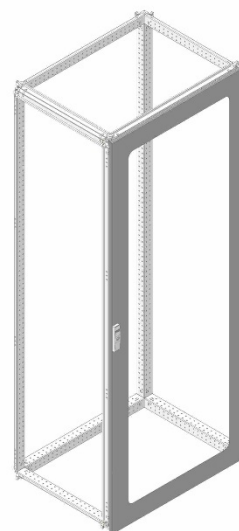
Dimensions		Order codes	Description
H(mm)	W(mm)		
1600	1000	MEMEDD1610M20	Blind double door MEM 1600x1000, steel 2.0mm
1800	1000	MEMEDD1810M20	Blind double door MEM 1800x1000, steel 2.0mm
1900	1000	MEMEDD1910M20	Blind double door MEM 1900x1000, steel 2.0mm
2000	1000	MEMEDD2010M20	Blind double door MEM 2000x1000, steel 2.0mm
2100	1000	MEMEDD2110M20	Blind double door MEM 2100x1000, steel 2.0mm
2200	1000	MEMEDD2210M20	Blind double door MEM 2200x1000, steel 2.0mm
1600	1200	MEMEDD1612M20	Blind double door MEM 1600x1200, steel 2.0mm
1800	1200	MEMEDD1812M20	Blind double door MEM 1800x1200, steel 2.0mm
1900	1200	MEMEDD1912M20	Blind double door MEM 1900x1200, steel 2.0mm
2000	1200	MEMEDD2012M20	Blind double door MEM 2000x1200, steel 2.0mm
2100	1200	MEMEDD2112M20	Blind double door MEM 2100x1200, steel 2.0mm
2200	1200	MEMEDD2212M20	Blind double door MEM 2200x1200, steel 2.0mm

GLASS DOOR CỬA KÍNH

Material: 2.0mm mild steel, painted in RAL 7035

Package: 1 pcs the Glass door, 1 set of lock, 4set hinges and door stiffeners

Dimensions		Order codes	Description
H(mm)	W(mm)		
1600	600	MEMEDG1606M20	Glass door MEM 1600x600, steel 2.0mm
1600	800	MEMEDG1608M20	Glass door MEM 1600x800, steel 2.0mm
1600	1000	MEMEDG1610M20	Glass door MEM 1600x1000, steel 2.0mm
1800	600	MEMEDG1806M20	Glass door MEM 1800x600, steel 2.0mm
1800	800	MEMEDG1808M20	Glass door MEM 1800x800, steel 2.0mm
1800	1000	MEMEDG1810M20	Glass door MEM 1800x1000, steel 2.0mm
1900	600	MEMEDG1906M20	Glass door MEM 1900x600, steel 2.0mm
1900	800	MEMEDG1908M20	Glass door MEM 1900x800, steel 2.0mm
1900	1000	MEMEDG1910M20	Glass door MEM 1900x1000, steel 2.0mm
2000	600	MEMEDG2006M20	Glass door MEM 2000x600, steel 2.0mm
2000	800	MEMEDG2008M20	Glass door MEM 2000x800, steel 2.0mm
2000	1000	MEMEDG2010M20	Glass door MEM 2000x1000, steel 2.0mm
2100	600	MEMEDG2106M20	Glass door MEM 2100x600, steel 2.0mm
2100	800	MEMEDG2108M20	Glass door MEM 2100x800, steel 2.0mm
2100	1000	MEMEDG2110M20	Glass door MEM 2100x1000, steel 2.0mm
2200	600	MEMEDG2206M20	Glass door MEM 2200x600, steel 2.0mm
2200	800	MEMEDG2208M20	Glass door MEM 2200x800, steel 2.0mm
2200	1000	MEMEDG2210M20	Glass door MEM 2200x1000, steel 2.0mm



PARTIAL DOOR CỬA RÒI

Material: 2.0mm mild steel, painted in RAL 7035

Package: 1 set of partial blind door with handle, hinges and door stiffeners

Dimensions		Order codes	Description
H(mm)	W(mm)		
200	400	MEMEDP0204M20	Partial door for MEM 200x400, steel 2.0mm
200	600	MEMEDP0206M20	Partial door for MEM 200x600, steel 2.0mm
200	800	MEMEDP0208M20	Partial door for MEM 200x800, steel 2.0mm
200	1000	MEMEDP0210M20	Partial door for MEM 200x1000, steel 2.0mm
300	400	MEMEDP0304M20	Partial door for MEM 300x400, steel 2.0mm
300	600	MEMEDP0306M20	Partial door for MEM 300x600, steel 2.0mm
300	800	MEMEDP0308M20	Partial door for MEM 300x800, steel 2.0mm
300	1000	MEMEDP0310M20	Partial door for MEM 300x1000, steel 2.0mm
400	400	MEMEDP0404M20	Partial door for MEM 400x400, steel 2.0mm
400	600	MEMEDP0406M20	Partial door for MEM 400x600, steel 2.0mm
400	800	MEMEDP0408M20	Partial door for MEM 400x800, steel 2.0mm
400	1000	MEMEDP0410M20	Partial door for MEM 400x1000, steel 2.0mm
400	1200	MEMEDP0412M20	Partial door for MEM 400x1200, steel 2.0mm
600	400	MEMEDP0604M20	Partial door for MEM 600x400, steel 2.0mm
600	600	MEMEDP0606M20	Partial door for MEM 600x600, steel 2.0mm
600	800	MEMEDP0608M20	Partial door for MEM 600x800, steel 2.0mm
600	1000	MEMEDP0610M20	Partial door for MEM 600x1000, steel 2.0mm
600	1200	MEMEDP0612M20	Partial door for MEM 600x1200, steel 2.0mm
800	400	MEMEDP0804M20	Partial door for MEM 800x400, steel 2.0mm
800	600	MEMEDP0806M20	Partial door for MEM 800x600, steel 2.0mm
800	800	MEMEDP0808M20	Partial door for MEM 800x800, steel 2.0mm
800	1000	MEMEDP0810M20	Partial door for MEM 800x1000, steel 2.0mm
800	1200	MEMEDP0812M20	Partial door for MEM 800x1200, steel 2.0mm

TOP/BOTTOM PANEL FOR PARTIAL DOOR TẤM CHE TRÊN/DƯỚI CỬA RÒI

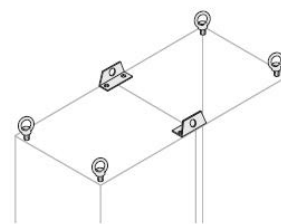
Material: 2.0mm mild steel, painted in RAL 7035

Package: 1 set of Top and Bottom panel for partial door

Dimensions		Order codes	Description
H(mm)	W(mm)		
100	400	MEMEDF04M20	Top/Bottom panel for partial door 400, steel 2.0mm
100	600	MEMEDF06M20	Top/Bottom panel for partial door 600, steel 2.0mm
100	800	MEMEDF08M20	Top/Bottom panel for partial door 800, steel 2.0mm
100	1000	MEMEDF10M20	Top/Bottom panel for partial door 1000, steel 2.0mm
100	1200	MEMEDF12M20	Top/Bottom panel for partial door 1200, steel 2.0mm

LIFTING MÓC CẦU

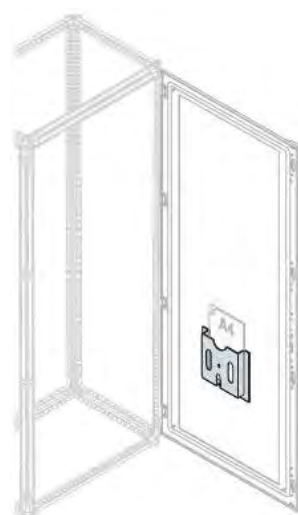
Order codes	Description
MEMELE	No.4 steel M12 eyebolts for lifting
MEMELR	No.2 lifting reinforcements for adjacent switchboards



DOCUMENT POCKET TÚI ĐỰNG HỒ SƠ

Material: Made of plastic, Orange color, A4 size.
The pocket can be glued inside the blind door
Package: 1 pcs document pocket

Order codes	Description
MEEPA4	Orange color, A4 size.



DOOR ACCESSORIES PHỤ KIỆN CỬA

Order codes	Description
EDH	Door hinges
EDK	Door key locks
EDL	Door latch
EDT	Locking bracket
EDS	Hinges kit for panels



INTERNAL KITS

KÍT LẮP BÊN TRONG

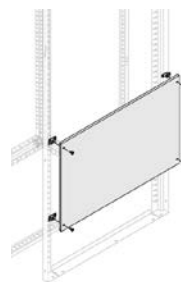
Blind mounting plates
total height (P2)



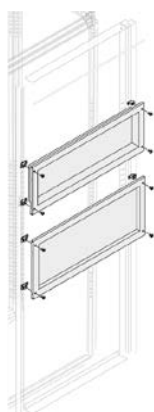
Fixed frame
for panels



Flat blind
panels



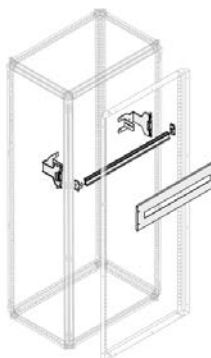
Recessed blind
panels



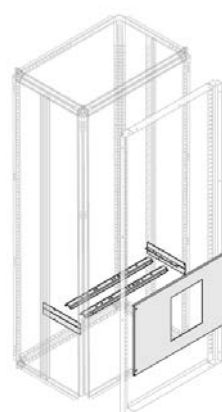
Blind mounting
plates



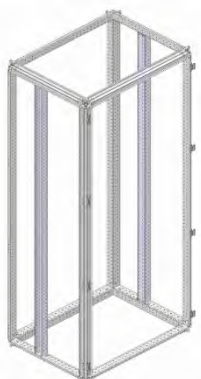
Kits for DIN rail



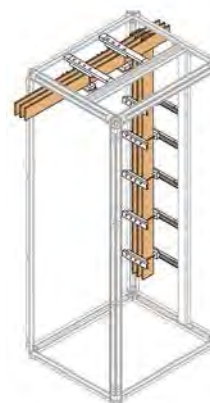
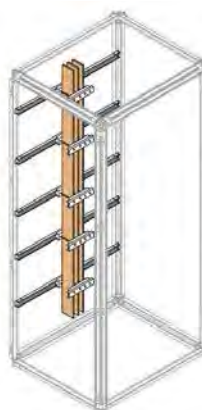
Kit for installing ACB



Height
crosspieces



Height crosspieces



MOUNTING PLATES TOTAL HEIGHT TẦM THIẾT TỔNG CHIỀU CAO

Material: 2.0mm Zam or Ecogal sheet metal

Package: 1pcs the mounting plate with crosspieces

Dimensions		Order codes	Description
H(mm)	W(mm)		
1600	400	MEMKPH1604	Mounting plates total height MEM 1600x400
1600	600	MEMKPH1606	Mounting plates total height MEM 1600x600
1600	800	MEMKPH1608	Mounting plates total height MEM 1600x800
1600	1000	MEMKPH1610	Mounting plates total height MEM 1600x1000
1800	400	MEMKPH1804	Mounting plates total height MEM 1800x400
1800	600	MEMKPH1806	Mounting plates total height MEM 1800x600
1800	800	MEMKPH1808	Mounting plates total height MEM 1800x800
1800	1000	MEMKPH1810	Mounting plates total height MEM 1800x1000
1900	400	MEMKPH1904	Mounting plates total height MEM 1900x400
1900	600	MEMKPH1906	Mounting plates total height MEM 1900x600
1900	800	MEMKPH1908	Mounting plates total height MEM 1900x800
1900	1000	MEMKPH1910	Mounting plates total height MEM 1900x1000
2000	400	MEMKPH2004	Mounting plates total height MEM 2000x400
2000	600	MEMKPH2006	Mounting plates total height MEM 2000x600
2000	800	MEMKPH2008	Mounting plates total height MEM 2000x800
2000	1000	MEMKPH2010	Mounting plates total height MEM 2000x1000
2100	400	MEMKPH2104	Mounting plates total height MEM 2100x400
2100	600	MEMKPH2106	Mounting plates total height MEM 2100x600
2100	800	MEMKPH2108	Mounting plates total height MEM 2100x800
2100	1000	MEMKPH2110	Mounting plates total height MEM 2100x1000
2200	400	MEMKPH2204	Mounting plates total height MEM 2200x400
2200	600	MEMKPH2206	Mounting plates total height MEM 2200x600
2200	700	MEMKPH2207	Mounting plates total height MEM 2200x700
2200	800	MEMKPH2208	Mounting plates total height MEM 2200x800
2200	900	MEMKPH2209	Mounting plates total height MEM 2200x900
2200	1000	MEMKPH2210	Mounting plates total height MEM 2200x1000
2300	400	MEMKPH2304	Mounting plates total height MEM 2300x400



INTERMEDIATE MOUNTING PLATES TẦM TRUNG GIAN TẦM THIẾT BỊ

Material: 2.0mm Zam or Ecogal sheet metal

Package: 1pcs the Intermediate Mounting plates

Dimensions		Order codes	Description
H(mm)			
1600		MEMKPI16	Intermediate Mounting plates MEM 1600
1800		MEMKPI18	Intermediate Mounting plates MEM 1800
1900		MEMKPI19	Intermediate Mounting plates MEM 1900
2000		MEMKPI20	Intermediate Mounting plates MEM 2000
2100		MEMKPI21	Intermediate Mounting plates MEM 2100
2200		MEMKPI22	Intermediate Mounting plates MEM 2200

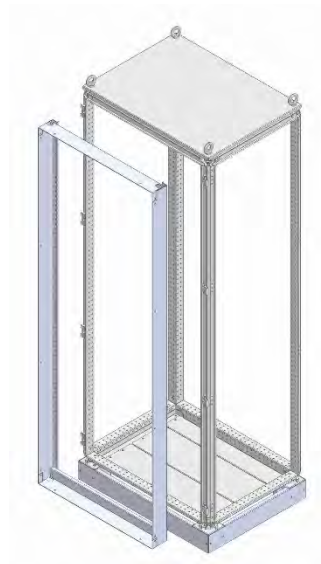
FIXED FRAME FOR PANELS

UPRIGHTS FRAME FOR PANEL KHUNG ĐỨNG LẮP CỬA TRONG

Material: 1.5mm Zam or Ecogal sheet metal

Package: 2pcs Uprights fixed frame

Dimensions		
H(mm)	Order codes	Description
1600	MEMKFU16	Uprights fixed frame for panels MEM 1600
1800	MEMKFU18	Uprights fixed frame for panels MEM 1800
1900	MEMKFU19	Uprights fixed frame for panels MEM 1900
2000	MEMKFU20	Uprights fixed frame for panels MEM 2000
2100	MEMKFU21	Uprights fixed frame for panels MEM 2100
2200	MEMKFU22	Uprights fixed frame for panels MEM 2200



TOP/BOTTOM FIXED FRAME FOR INTERNAL CHE TREN/DƯỚI CHO KHUNG TRONG

Material: 1.5mm Zam or Ecogal sheet metal

Package: 2pcs Top/Bottom fixed frame

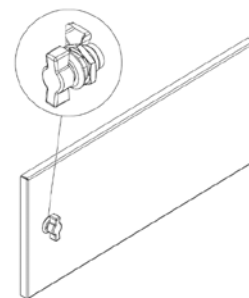
Dimensions		
W(mm)	Order codes	Description
400	MEMKFT04	Top/Bottom fixed frame for internal MEM 400
600	MEMKFT06	Top/Bottom fixed frame for internal MEM 600
800	MEMKFT08	Top/Bottom fixed frame for internal MEM 800
1000	MEMKFT10	Top/Bottom fixed frame for internal MEM 1000
1200	MEMKFT12	Top/Bottom fixed frame for internal MEM 1200

FLAT BLIND PANEL CỬA TRONG TRƠN

Material: 1.5mm mild steel, painted in RAL 7035

Package: 1 pcs Flat blind panel

Dimensions		Order codes	Description
H(mm)	W(mm)		
200	400	MEMKPB2004M15	Flat blind panel MEM 200x400, steel 1.5mm
300	400	MEMKPB3004M15	Flat blind panel MEM 300x400, steel 1.5mm
400	400	MEMKPB4004M15	Flat blind panel MEM 400x400, steel 1.5mm
600	400	MEMKPB6004M15	Flat blind panel MEM 600x400, steel 1.5mm
200	600	MEMKPB2006M15	Flat blind panel MEM 200x600, steel 1.5mm
300	600	MEMKPB3006M15	Flat blind panel MEM 300x600, steel 1.5mm
400	600	MEMKPB4006M15	Flat blind panel MEM 400x600, steel 1.5mm
600	600	MEMKPB6006M15	Flat blind panel MEM 600x600, steel 1.5mm
200	800	MEMKPB2008M15	Flat blind panel MEM 200x800, steel 1.5mm
300	800	MEMKPB3008M15	Flat blind panel MEM 300x800, steel 1.5mm
400	800	MEMKPB4008M15	Flat blind panel MEM 400x800, steel 1.5mm
600	800	MEMKPB6008M15	Flat blind panel MEM 600x800, steel 1.5mm
200	1000	MEMKPB2010M15	Flat blind panel MEM 200x1000, steel 1.5mm
300	1000	MEMKPB3010M15	Flat blind panel MEM 300x1000, steel 1.5mm
400	1000	MEMKPB4010M15	Flat blind panel MEM 400x1000, steel 1.5mm
600	1000	MEMKPB6010M15	Flat blind panel MEM 600x1000, steel 1.5mm

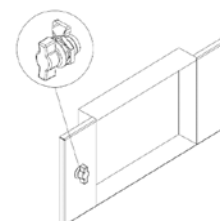


RECESSED BLIND PANEL CỬA TRONG ÂM TRƠN

Material: 1.5mm mild steel, painted in RAL 7035

Package: 1 pcs Recessed blind panel

Dimensions		Order codes	Description
H(mm)	W(mm)		
200	400	MEMKPR2004M15	Recessed blind panel MEM 200x400, steel 1.5mm
300	400	MEMKPR3004M15	Recessed blind panel MEM 300x400, steel 1.5mm
400	400	MEMKPR4004M15	Recessed blind panel MEM 400x400, steel 1.5mm
200	600	MEMKPR2006M15	Recessed blind panel MEM 200x600, steel 1.5mm
300	600	MEMKPR3006M15	Recessed blind panel MEM 300x600, steel 1.5mm
400	600	MEMKPR4006M15	Recessed blind panel MEM 400x600, steel 1.5mm
200	800	MEMKPR2008M15	Recessed blind panel MEM 200x800, steel 1.5mm
300	800	MEMKPR3008M15	Recessed blind panel MEM 300x800, steel 1.5mm
400	800	MEMKPR4008M15	Recessed blind panel MEM 400x800, steel 1.5mm
200	1000	MEMKPR2010M15	Recessed blind panel MEM 200x1000, steel 1.5mm
300	1000	MEMKPR3010M15	Recessed blind panel MEM 300x1000, steel 1.5mm
400	1000	MEMKPR4010M15	Recessed blind panel MEM 400x1000, steel 1.5mm

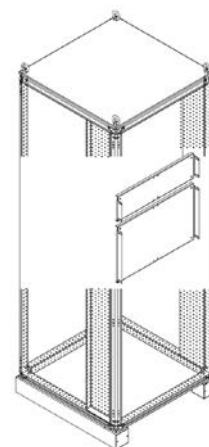


BLIND ASSEMBLY PLATE TẮM THIẾT BỊ RỜI

Material: 2.0mm Zam or Ecogal sheet metal

Package: 1pcs Blind assembly plate

Dimensions		Order codes	Description
H(mm)	W(mm)		
200	400	MEMKPM2004	Blind assembly plate MEM 200x400
300	400	MEMKPM3004	Blind assembly plate MEM 300x400
400	400	MEMKPM4004	Blind assembly plate MEM 400x400
600	400	MEMKPM6004	Blind assembly plate MEM 600x400
200	600	MEMKPM2006	Blind assembly plate MEM 200x600
300	600	MEMKPM3006	Blind assembly plate MEM 300x600
400	600	MEMKPM4006	Blind assembly plate MEM 400x600
600	600	MEMKPM6006	Blind assembly plate MEM 600x600
200	800	MEMKPM2008	Blind assembly plate MEM 200x800
300	800	MEMKPM3008	Blind assembly plate MEM 300x800
400	800	MEMKPM4008	Blind assembly plate MEM 400x800
600	800	MEMKPM6008	Blind assembly plate MEM 600x800
200	1000	MEMKPM2010	Blind assembly plate MEM 200x1000
300	1000	MEMKPM3010	Blind assembly plate MEM 300x1000
400	1000	MEMKPM4010	Blind assembly plate MEM 400x1000
600	1000	MEMKPM6010	Blind assembly plate MEM 600x1000

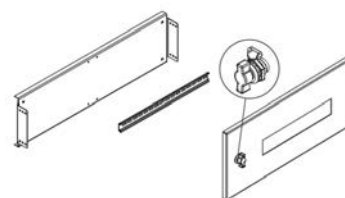


KIT FOR DIN RAIL KÍT LẮP DIN RAIL

Material: 2.0mm Zam or Ecogal sheet metal

Package: 1pcs Kits for DIN rail

Dimensions		Order codes	Description
W(mm)			
400		MEMKDK04	Kits for DIN rail MEM 400
600		MEMKDK06	Kits for DIN rail MEM 600
800		MEMKDK08	Kits for DIN rail MEM 800
1000		MEMKDK10	Kits for DIN rail MEM 1000



PANEL FOR DIN RAIL CỬA DIN RAIL

Material: 1.5mm mild steel, painted in RAL 7035

Package: 1 pcs Panel for DIN rail

Dimensions		Order codes	Description
H(mm)	W(mm)		
200	400	MEMKDP2004M15	Panel for DIN rail MEM 200 400, steel 1.5mm
200	600	MEMKDP2006M15	Panel for DIN rail MEM 200 600, steel 1.5mm
200	800	MEMKDP2008M15	Panel for DIN rail MEM 200 800, steel 1.5mm
200	1000	MEMKDP2010M15	Panel for DIN rail MEM 200 1000, steel 1.5mm

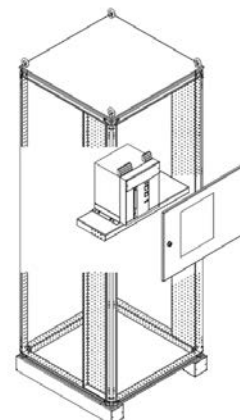
KITS FOR ACB INSTALLATION

KÍT LẮP ACB

Material: 2.0mm Zam or Ecogal sheet metal

Package: 1pcs Kit for installing ACB

Dimensions		Order codes	Description
H(mm)	W(mm)		
400	600	MEMKAK06	Kit for installing ACB W600
500	700	MEMKAK07	Kit for installing ACB W700
600	800	MEMKAK08	Kit for installing ACB W800
600	900	MEMKAK09	Kit for installing ACB W900
700	1000	MEMKAK10	Kit for installing ACB W1000
700	1200	MEMKAK12	Kit for installing ACB W1200



HEIGHT CROSSPIECES 100

THÀNH GIẢNG ĐỨNG 100

Material: 1.5mm Zam sheet metal

Package: 1 pcs the heigh crosspiece

Dimensions		Order codes	Description
H(mm)			
1600		MEMECH1016	MEM Height crosspieces 100 for structures 1600
1800		MEMECH1018	MEM Height crosspieces 100 for structures 1800
1900		MEMECH1019	MEM Height crosspieces 100 for structures 1900
2000		MEMECH1020	MEM Height crosspieces 100 for structures 2000
2100		MEMECH1021	MEM Height crosspieces 100 for structures 2100
2200		MEMECH1022	MEM Height crosspieces 100 for structures 2200



HEIGHT CROSSPIECES 50

THÀNH GIẢNG ĐỨNG 50

Material: 1.5mm Zam sheet metal

Package: 1 pcs the heigh crosspiece

Dimensions		Order codes	Description
H(mm)			
1600		MEMECH5016	MEM Height crosspieces 50 for structures 1600
1800		MEMECH5018	MEM Height crosspieces 50 for structures 1800
1900		MEMECH5019	MEM Height crosspieces 50 for structures 1900
2000		MEMECH5020	MEM Height crosspieces 50 for structures 2000
2100		MEMECH5021	MEM Height crosspieces 50 for structures 2100
2200		MEMECH5022	MEM Height crosspieces 50 for structures 2200



WIDTH/DEPTH CROSSPIECES 100

THANH GIẪNG NGANG/SÂU 100

Material: 1.5mm Zam sheet metal

Package: 1 pcs the Width/Depth crosspieces

Dimensions		
W/D(mm)	Order codes	Description
300	MEMECW1003	MEM Width/Depth crosspieces 100 for structures 300
400	MEMECW1004	MEM Width/Depth crosspieces 100 for structures 400
600	MEMECW1006	MEM Width/Depth crosspieces 100 for structures 600
800	MEMECW1008	MEM Width/Depth crosspieces 100 for structures 800
1000	MEMECW1010	MEM Width/Depth crosspieces 100 for structures 1000
1200	MEMECW1012	MEM Width/Depth crosspieces 100 for structures 1200



WIDTH/DEPTH CROSSPIECES 50

THANH GIẪNG NGANG/SÂU 50

Material: 1.5mm Zam sheet metal

Package: 1 pcs the Width/Depth crosspieces

Dimensions		
W/D(mm)	Order codes	Description
300	MEMECW5003	MEM Width/Depth crosspieces 50 for structures 300
400	MEMECW5004	MEM Width/Depth crosspieces 50 for structures 400
600	MEMECW5006	MEM Width/Depth crosspieces 50 for structures 600
800	MEMECW5008	MEM Width/Depth crosspieces 50 for structures 800
1000	MEMECW5010	MEM Width/Depth crosspieces 50 for structures 1000
1200	MEMECW5012	MEM Width/Depth crosspieces 50 for structures 1200



WIDTH/DEPTH CROSSPIECES 25

THANH GIẪNG NGANG/SÂU 25

Material: 1.5mm Zam sheet metal

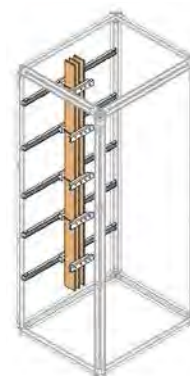
Package: 1 pcs the Width/Depth crosspieces

Dimensions		
W/D(mm)	Order codes	Description
300	MEMECW2503	MEM Width/Depth crosspieces 25 for structures 300
400	MEMECW2504	MEM Width/Depth crosspieces 25 for structures 400
600	MEMECW2506	MEM Width/Depth crosspieces 25 for structures 600
800	MEMECW2508	MEM Width/Depth crosspieces 25 for structures 800
1000	MEMECW2510	MEM Width/Depth crosspieces 25 for structures 1000

WIDTH SUPPORT FOR FIXING BUSBAR GIÁ ĐỠ THANH CÁI NGANG

Material: 2.0mm Zam or Ecogal sheet metal
Package: 1pcs Width support for fixing busbar

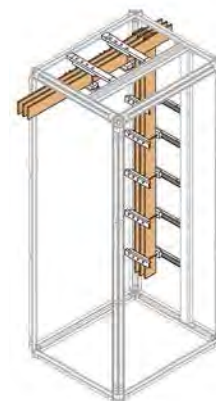
Dimensions		
W(mm)	Order codes	Description
300	MEMEBW03	Width support for fixing busbar holder MEM 300
400	MEMEBW04	Width support for fixing busbar holder MEM 400
600	MEMEBW06	Width support for fixing busbar holder MEM 600
800	MEMEBW08	Width support for fixing busbar holder MEM 800
1000	MEMEBW10	Width support for fixing busbar holder MEM 1000
1200	MEMEBW12	Width support for fixing busbar holder MEM 1200



DEPTH SUPPORT FOR FIXING BUSBAR GIÁ ĐỠ THANH CÁI SÂU

Material: 2.0mm Zam or Ecogal sheet metal
Package: 1pcs Depth support for fixing busbar

Dimensions		
D(mm)	Order codes	Description
300	MEMEBD03	Depth support for fixing busbar holder MEM 300
400	MEMEBD04	Depth support for fixing busbar holder MEM 400
600	MEMEBD06	Depth support for fixing busbar holder MEM 600
800	MEMEBD08	Depth support for fixing busbar holder MEM 800
1000	MEMEBD10	Depth support for fixing busbar holder MEM 1000
1200	MEMEBD12	Depth support for fixing busbar holder MEM 1200



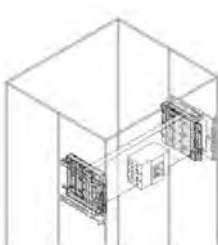
SEGREGATION

VÁCH NGĂN

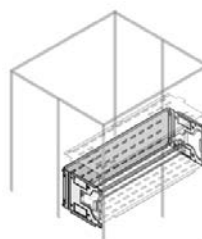
Universal
horizontal shelf



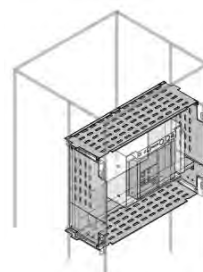
Universal
compartment side



Segregation of modular
assemblies



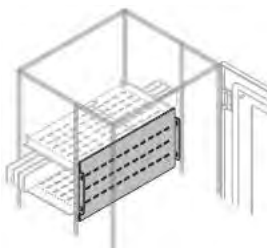
Segregation for the Air
circuit-breaker



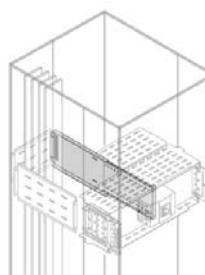
Horizontal busbar
segregation



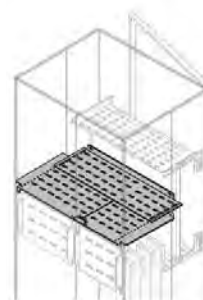
Front segregation for
busbars



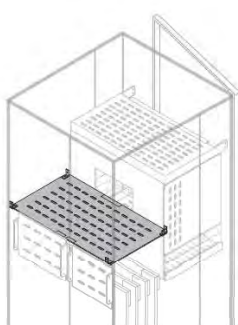
Horizontal circuit-
breaker segregation



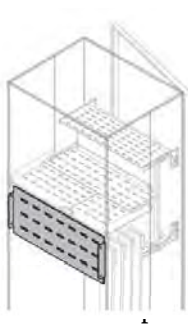
Vertical circuit-
breaker segregation



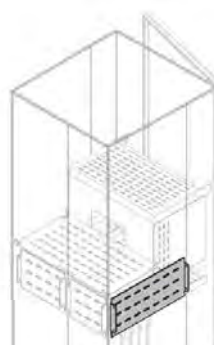
Segregation for Air
circuit-breakers



Rear Segregation
for structures



Side Segregation for
structures

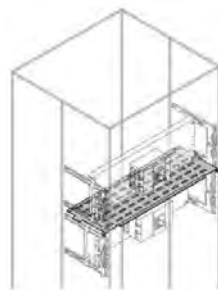


HORIZONTAL SEGREGATION COMPARTMENT TẦM CHE NGANG KHUNG THIẾT BỊ

Material: 1.2mm Zam or Ecogal sheet metal

Package: 1pcs Horizontal segregation compartment

Dimensions	Order codes	Description
W(mm)		
400	MEMSCH04	Horizontal segregation compartment MEM 400
600	MEMSCH06	Horizontal segregation compartment MEM 600
800	MEMSCH08	Horizontal segregation compartment MEM 800
1000	MEMSCH10	Horizontal segregation compartment MEM 1000
1200	MEMSCH12	Horizontal segregation compartment MEM 1200

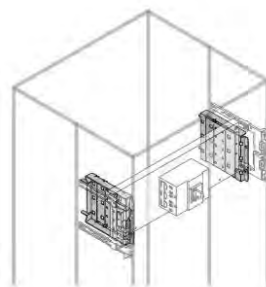


SIDE SEGREGATION COMPARTMENT TẦM CHE HÔNG KHUNG THIẾT BỊ

Material: 1.2mm Zam or Ecogal sheet metal

Package: 1pcs Horizontal segregation compartment

Dimensions	Order codes	Description
H(mm)		
200	MEMSCS02	Side segregation compartment MEM 200
300	MEMSCS03	Side segregation compartment MEM 300
400	MEMSCS04	Side segregation compartment MEM 400
500	MEMSCS05	Side segregation compartment MEM 500
600	MEMSCS06	Side segregation compartment MEM 600
700	MEMSCS07	Side segregation compartment MEM 700

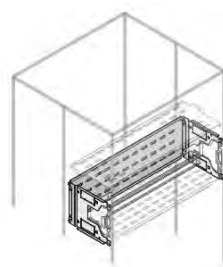


FRONT SEGREGATION COMPARTMENT TẦM CHE TRƯỚC KHUNG THIẾT BỊ

Material: 1.2mm Zam or Ecogal sheet metal

Package: 1pcs Front segregation compartment

Dimensions		Order codes	Description
H(mm)	W(mm)		
200	400	MEMSCF0204	Front segregation compartment 200x400
200	600	MEMSCF0206	Front segregation compartment 200x600
200	800	MEMSCF0208	Front segregation compartment 200x800
200	1000	MEMSCF0210	Front segregation compartment 200x1000
300	400	MEMSCF0304	Front segregation compartment 300x400
300	600	MEMSCF0306	Front segregation compartment 300x600
300	800	MEMSCF0308	Front segregation compartment 300x800
300	1000	MEMSCF0310	Front segregation compartment 300x1000
400	400	MEMSCF0404	Front segregation compartment 400x400
400	600	MEMSCF0406	Front segregation compartment 400x600
400	800	MEMSCF0408	Front segregation compartment 400x800
400	1000	MEMSCF0410	Front segregation compartment 400x1000
400	1200	MEMSCF0412	Front segregation compartment 400x1200
500	400	MEMSCF0504	Front segregation compartment 500x400
500	600	MEMSCF0506	Front segregation compartment 500x600
500	800	MEMSCF0508	Front segregation compartment 500x800
500	1000	MEMSCF0510	Front segregation compartment 500x1000
500	1200	MEMSCF0512	Front segregation compartment 500x1200
600	400	MEMSCF0604	Front segregation compartment 600x400
600	600	MEMSCF0606	Front segregation compartment 600x600
600	800	MEMSCF0608	Front segregation compartment 600x800
600	1000	MEMSCF0610	Front segregation compartment 600x1000
600	1200	MEMSCF0612	Front segregation compartment 600x1200



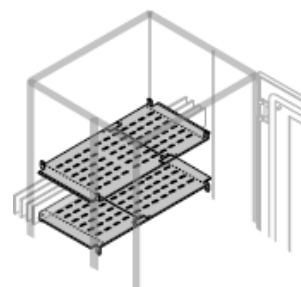
HORIZONTAL BUSBAR SEGREGATION

VÁCH CHE NGANG BUSBAR

Material: 1.2mm Zam or Ecogal sheet metal

Package: 1pcs Horizontal busbar segregation

Dimensions		Order codes	Description
W(mm)	D(mm)		
300	400	MEMSBH0304	Horizontal busbar segregation 300x400
300	600	MEMSBH0306	Horizontal busbar segregation 300x600
300	800	MEMSBH0308	Horizontal busbar segregation 300x800
300	1000	MEMSBH0310	Horizontal busbar segregation 300x1000
300	1200	MEMSBH0312	Horizontal busbar segregation 300x1200
400	400	MEMSBH0404	Horizontal busbar segregation 400x400
400	600	MEMSBH0406	Horizontal busbar segregation 400x600
400	800	MEMSBH0408	Horizontal busbar segregation 400x800
400	1000	MEMSBH0410	Horizontal busbar segregation 400x1000
400	1200	MEMSBH0412	Horizontal busbar segregation 400x1200
600	400	MEMSBH0604	Horizontal busbar segregation 600x400
600	600	MEMSBH0606	Horizontal busbar segregation 600x600
600	800	MEMSBH0608	Horizontal busbar segregation 600x800
600	1000	MEMSBH0610	Horizontal busbar segregation 600x1000
600	1200	MEMSBH0612	Horizontal busbar segregation 600x1200
800	400	MEMSBH0804	Horizontal busbar segregation 800x400
800	600	MEMSBH0806	Horizontal busbar segregation 800x600
800	800	MEMSBH0808	Horizontal busbar segregation 800x800
800	1000	MEMSBH0810	Horizontal busbar segregation 800x1000
800	1200	MEMSBH0812	Horizontal busbar segregation 800x1200
1000	400	MEMSBH1004	Horizontal busbar segregation 1000x400
1000	600	MEMSBH1006	Horizontal busbar segregation 1000x600
1000	800	MEMSBH1008	Horizontal busbar segregation 1000x800
1000	1000	MEMSBH1010	Horizontal busbar segregation 1000x1000
1000	1200	MEMSBH1012	Horizontal busbar segregation 1000x1200
1200	400	MEMSBH1204	Horizontal busbar segregation 1200x400
1200	600	MEMSBH1206	Horizontal busbar segregation 1200x600
1200	800	MEMSBH1208	Horizontal busbar segregation 1200x800
1200	1000	MEMSBH1210	Horizontal busbar segregation 1200x1000
1200	1200	MEMSBH1212	Horizontal busbar segregation 1200x1200



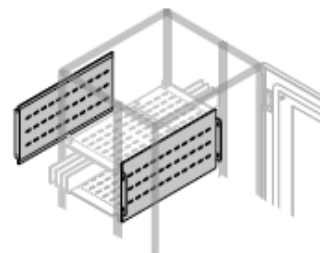
FRONT/REAR BUSBAR SEGREGATION

VÁCH CHE TRƯỚC/SAU BUSBAR

Material: 1.2mm Zam or Ecogal sheet metal

Package: 1pcs Front/Rear busbar segregation

Dimensions		Order codes	Description
H(mm)	W(mm)		
200	300	MEMSBF0203	Front/Rear busbar segregation 200x300
200	400	MEMSBF0204	Front/Rear busbar segregation 200x400
200	600	MEMSBF0206	Front/Rear busbar segregation 200x600
200	800	MEMSBF0208	Front/Rear busbar segregation 200x800
200	1000	MEMSBF0210	Front/Rear busbar segregation 200x1000
200	1200	MEMSBF0212	Front/Rear busbar segregation 200x1200
300	300	MEMSBF0303	Front/Rear busbar segregation 300x300
300	400	MEMSBF0304	Front/Rear busbar segregation 300x400
300	600	MEMSBF0306	Front/Rear busbar segregation 300x600
300	800	MEMSBF0308	Front/Rear busbar segregation 300x800
300	1000	MEMSBF0310	Front/Rear busbar segregation 300x1000
300	1200	MEMSBF0312	Front/Rear busbar segregation 300x1200



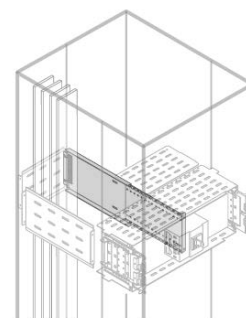
VERTICAL SEGREGATION OF TERMINAL

TẮM NGẮN ĐẦU CỰC ĐỨNG

Material: 1.2mm Zam or Ecogal sheet metal

Package: 1pcs Vertical segregation of terminals

Dimensions		Order codes	Description
H(mm)	D(mm)		
200	400	MEMSTV0204	Vertical segregation of terminals 200x400
200	600	MEMSTV0206	Vertical segregation of terminals 200x600
200	800	MEMSTV0208	Vertical segregation of terminals 200x800
200	1000	MEMSTV0210	Vertical segregation of terminals 200x1000
200	1200	MEMSTV0212	Vertical segregation of terminals 200x1200
300	400	MEMSTV0304	Vertical segregation of terminals 300x400
300	600	MEMSTV0306	Vertical segregation of terminals 300x600
300	800	MEMSTV0308	Vertical segregation of terminals 300x800
300	1000	MEMSTV0310	Vertical segregation of terminals 300x1000
300	1200	MEMSTV0312	Vertical segregation of terminals 300x1200
400	400	MEMSTV0404	Vertical segregation of terminals 400x400
400	600	MEMSTV0406	Vertical segregation of terminals 400x600
400	800	MEMSTV0408	Vertical segregation of terminals 400x800
400	1000	MEMSTV0410	Vertical segregation of terminals 400x1000
400	1200	MEMSTV0412	Vertical segregation of terminals 400x1200
500	400	MEMSTV0504	Vertical segregation of terminals 500x400
500	600	MEMSTV0506	Vertical segregation of terminals 500x600
500	800	MEMSTV0508	Vertical segregation of terminals 500x800
500	1000	MEMSTV0510	Vertical segregation of terminals 500x1000
500	1200	MEMSTV0512	Vertical segregation of terminals 500x1200
600	400	MEMSTV0604	Vertical segregation of terminals 600x400
600	600	MEMSTV0606	Vertical segregation of terminals 600x600
600	800	MEMSTV0608	Vertical segregation of terminals 600x800
600	1000	MEMSTV0610	Vertical segregation of terminals 600x1000
600	1200	MEMSTV0612	Vertical segregation of terminals 600x1200



HORIZONTAL SEGREGATION OF TERMINAL TẮM NGĂN ĐẦU CỰC NGANG

Material: 1.2mm Zam or Ecogal sheet metal

Package: 1pcs Horizontal segregation of terminals

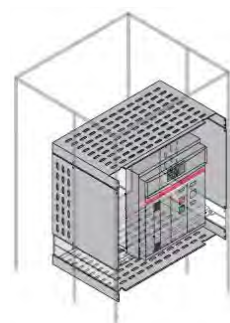
Dimensions		Order codes	
W(mm)	D(mm)		Description
400	400	MEMSTH0404	Horizontal segregation of terminals 400x400
400	600	MEMSTH0406	Horizontal segregation of terminals 400x600
400	800	MEMSTH0408	Horizontal segregation of terminals 400x800
400	1000	MEMSTH0410	Horizontal segregation of terminals 400x1000
400	1200	MEMSTH0412	Horizontal segregation of terminals 400x1200
600	400	MEMSTH0604	Horizontal segregation of terminals 600x400
600	600	MEMSTH0606	Horizontal segregation of terminals 600x600
600	800	MEMSTH0608	Horizontal segregation of terminals 600x800
600	1000	MEMSTH0610	Horizontal segregation of terminals 600x1000
600	1200	MEMSTH0612	Horizontal segregation of terminals 600x1200
800	400	MEMSTH0804	Horizontal segregation of terminals 800x400
800	600	MEMSTH0806	Horizontal segregation of terminals 800x600
800	800	MEMSTH0808	Horizontal segregation of terminals 800x800
800	1000	MEMSTH0810	Horizontal segregation of terminals 800x1000
800	1200	MEMSTH0812	Horizontal segregation of terminals 800x1200
1000	400	MEMSTH1004	Horizontal segregation of terminals 1000x400
1000	600	MEMSTH1006	Horizontal segregation of terminals 1000x600
1000	800	MEMSTH1008	Horizontal segregation of terminals 1000x800
1000	1000	MEMSTH1010	Horizontal segregation of terminals 1000x1000
1000	1200	MEMSTH1012	Horizontal segregation of terminals 1000x1200

SEGREGATION FOR ACB VÁCH NGĂN CHO ACB

Material: 1.2mm Zam or Ecogal sheet metal

Package: 1pcs Segregation for ACB

Dimensions		Order codes	Description
H(mm)	W(mm)		
500	400	MEMSCAF13P	Segregation for ACB Frame 1 3P 630-1600
500	600	MEMSCAF14P	Segregation for ACB Frame 1 4P 630-1600
600	600	MEMSCAF23P	Segregation for ACB Frame 2 3P 800-2500
600	800	MEMSCAF24P	Segregation for ACB Frame 2 4P 800-2500
600	600	MEMSCAF43P	Segregation for ACB Frame 4 3P 2000-4000
600	800	MEMSCAF44P	Segregation for ACB Frame 4 4P 2000-4000
700	800	MEMSCAF63P	Segregation for ACB Frame 6 3P 4000-6300
700	1000	MEMSCAF64P	Segregation for ACB Frame 6 4P 4000-6300
700	1200	MEMSCAF64PF	Segregation for ACB Frame 6 4P 4000-6300 Full N



ACB TERMINAL SEPARATOR TẮM NGĂN ĐẦU CỰC ACB

Material: 1.2mm Zam or Ecogal sheet metal

Package: 1pcs Air circuit-breaker terminal separator

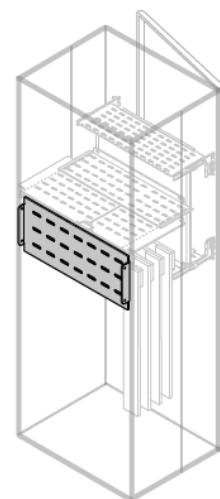
Dimensions		Order codes	Description
W(mm)	D(mm)		
400	600	MEMSTA0406	Air circuit-breaker terminal separator 400x600
400	800	MEMSTA0408	Air circuit-breaker terminal separator 400x800
600	600	MEMSTA0606	Air circuit-breaker terminal separator 600x600
600	800	MEMSTA0608	Air circuit-breaker terminal separator 600x800
600	1000	MEMSTA0610	Air circuit-breaker terminal separator 600x1000
600	1200	MEMSTA0612	Air circuit-breaker terminal separator 600x1200
800	600	MEMSTA0806	Air circuit-breaker terminal separator 800x600
800	800	MEMSTA0808	Air circuit-breaker terminal separator 800x800
800	1000	MEMSTA0810	Air circuit-breaker terminal separator 800x1000
800	1200	MEMSTA0812	Air circuit-breaker terminal separator 800x1200
1000	600	MEMSTA1006	Air circuit-breaker terminal separator 1000x600
1000	800	MEMSTA1008	Air circuit-breaker terminal separator 1000x800
1000	1000	MEMSTA1010	Air circuit-breaker terminal separator 1000x1000
1000	1200	MEMSTA1012	Air circuit-breaker terminal separator 1000x1200
1200	800	MEMSTA1208	Air circuit-breaker terminal separator 1200x800
1200	1000	MEMSTA1210	Air circuit-breaker terminal separator 1200x1000
1200	1200	MEMSTA1212	Air circuit-breaker terminal separator 1200x1200

FRONT/REAR SEGREGATION FOR STRUCTURE VÁCH CHE TRƯỚC/SAU KHUNG

Material: 1.2mm Zam or Ecogal sheet metal

Package: 1pcs Side/Rear segregation for structure

Dimensions		Order codes	Description
H(mm)	W(mm)		
100	300	MEMSFR0103	Front/Rear segregation for structure 100x300
100	400	MEMSFR0104	Front/Rear segregation for structure 100x400
100	600	MEMSFR0106	Front/Rear segregation for structure 100x600
100	800	MEMSFR0108	Front/Rear segregation for structure 100x800
200	300	MEMSFR0203	Front/Rear segregation for structure 200x300
200	400	MEMSFR0204	Front/Rear segregation for structure 200x400
200	600	MEMSFR0206	Front/Rear segregation for structure 200x600
200	800	MEMSFR0208	Front/Rear segregation for structure 200x800
200	1000	MEMSFR0210	Front/Rear segregation for structure 200x1000
200	1200	MEMSFR0212	Front/Rear segregation for structure 200x1200
300	300	MEMSFR0303	Front/Rear segregation for structure 300x300
300	400	MEMSFR0304	Front/Rear segregation for structure 300x400
300	600	MEMSFR0306	Front/Rear segregation for structure 300x600
300	800	MEMSFR0308	Front/Rear segregation for structure 300x800
300	1000	MEMSFR0310	Front/Rear segregation for structure 300x1000
300	1200	MEMSFR0312	Front/Rear segregation for structure 300x1200
400	300	MEMSFR0403	Front/Rear segregation for structure 400x300
400	400	MEMSFR0404	Front/Rear segregation for structure 400x400
400	600	MEMSFR0406	Front/Rear segregation for structure 400x600
400	800	MEMSFR0408	Front/Rear segregation for structure 400x800
400	1000	MEMSFR0410	Front/Rear segregation for structure 400x1000
400	1200	MEMSFR0412	Front/Rear segregation for structure 400x1200
600	300	MEMSFR0603	Front/Rear segregation for structure 600x300
600	400	MEMSFR0604	Front/Rear segregation for structure 600x400
600	600	MEMSFR0606	Front/Rear segregation for structure 600x600
600	800	MEMSFR0608	Front/Rear segregation for structure 600x800
600	1000	MEMSFR0610	Front/Rear segregation for structure 600x1000
600	1200	MEMSFR0612	Front/Rear segregation for structure 600x1200



SIDE SEGREGATION FOR STRUCTURE VÁCH CHE HÔNG KHUNG

Material: 1.2mm Zam or Ecogal sheet metal

Package: 1pcs Side segregation for structure

Dimensions		Order codes	Description
H(mm)	D(mm)		
100	400	MEMSSF0104	Side frame segregation for structure 100x400
100	600	MEMSSF0106	Side frame segregation for structure 100x600
100	800	MEMSSF0108	Side frame segregation for structure 100x800
200	400	MEMSSF0204	Side frame segregation for structure 200x400
200	600	MEMSSF0206	Side frame segregation for structure 200x600
200	800	MEMSSF0208	Side frame segregation for structure 200x800
200	1000	MEMSSF0210	Side frame segregation for structure 200x1000
200	1200	MEMSSF0212	Side frame segregation for structure 200x1200
300	400	MEMSSF0304	Side frame segregation for structure 300x400
300	600	MEMSSF0306	Side frame segregation for structure 300x600
300	800	MEMSSF0308	Side frame segregation for structure 300x800
300	1000	MEMSSF0310	Side frame segregation for structure 300x1000
300	1200	MEMSSF0312	Side frame segregation for structure 300x1200
400	400	MEMSSF0404	Side frame segregation for structure 400x400
400	600	MEMSSF0406	Side frame segregation for structure 400x600
400	800	MEMSSF0408	Side frame segregation for structure 400x800
400	1000	MEMSSF0410	Side frame segregation for structure 400x1000
400	1200	MEMSSF0412	Side frame segregation for structure 400x1200
600	400	MEMSSF0604	Side frame segregation for structure 600x400
600	600	MEMSSF0606	Side frame segregation for structure 600x600
600	800	MEMSSF0608	Side frame segregation for structure 600x800
600	1000	MEMSSF0610	Side frame segregation for structure 600x1000
600	1200	MEMSSF0612	Side frame segregation for structure 600x1200

QUALITY
EFFICIENCY
PROFESSIONAL



MECHANICAL ELECTRICAL ENGINEERING JSC.

Lot HT-E10-6-9, Road No. 19, Hiep Phuoc Industrial Park, Hiep Phuoc Commune, Ho Chi Minh City, Viet Nam

<https://mee.com.vn>

Email: info@mee.com.vn

Tel: (+84) 938 848 788

Tax code: 0310 439 936